

Phụ lục I**TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II**
TỔ TOÁN – CÔNG NGHỆ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**
MÔN TOÁN 7
(Năm học 2022 – 2023)**I. Đặc điểm tình hình****1. Số lớp: 7 ; Số học sinh: 316 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0****2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 04; Trình độ đào tạo: Đại học: 04****Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 03 Khá: 01****3. Thiết bị dạy học:**

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bìa giấy cứng, keo dán, Dụng cụ thủ công	4 bộ	- Dùng cho các tiết tạo hình - HĐTH&TN: Chủ đề 2: Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	
2	Bộ thiết bị để vẽ trên bảng trong dạy học toán	4 bộ	- Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bộ thiết bị dạy Thống kê và Xác suất	4 bộ	- Dùng cho các tiết học thống kê và xác suất	
4	Mô hình tiền giả định	600000 đồng đến 700000 đồng	- HĐTH&TN: Chủ đề 1. Một số hình thức khuyến mãi trong kinh doanh	
5	Các hình ảnh, đồ dùng, mô hình có dạng hình lăng trụ đứng.		- HĐTH&TN: Chủ đề 2. Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	
6	Hình ảnh phối		- HĐTH&TN: Chủ đề 3. Dung tích phối	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	1	Sử dụng phần mềm Geogebra, Microsoft Excel	
2	Sân trường	1	Một số hình thức khuyến mãi trong kinh doanh	

II. Kế hoạch dạy học

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết/tuần = 140 tiết

Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

Phân theo học kỳ và tuần học

Cả năm: 140 tiết	Số học + Đại số + XSTK (89 tiết)	Hình học (51 tiết)
Học kỳ I: 18 tuần = 72 tiết	12 tuần đầu x 3 tiết = 36 tiết 5 tuần tiếp x 2 tiết = 10 tiết 1 tuần cuối x 3 tiết = 3 tiết	12 tuần x 1 tiết = 12 tiết 5 tuần tiếp x 2 tiết = 10 tiết 1 tuần cuối x 1 tiết = 1 tiết
Học kỳ II: 17 tuần = 68 tiết	2 tuần đầu x 1 tiết = 2 tiết 7 tuần tiếp x 2 tiết = 14 tiết 8 tuần cuối x 3 tiết = 24 tiết	2 tuần đầu x 3 tiết = 6 tiết 7 tuần tiếp x 2 tiết = 14 tiết 8 tuần cuối x 1 tiết = 8 tiết

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHƯƠNG I. SỐ HỮU TỈ (18 tiết)				
1	§1. Tập hợp Q các số hữu tỉ	4	+ Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. + Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. + Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. + Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. + Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. So sánh được hai số hữu tỉ.	
2	§2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ	3	+ Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. + Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng và phép nhân, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc chuyển vế trong tính toán để tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý. + Nhận biết được số nghịch đảo của một số hữu tỉ. + Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ.	
3	§3. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	4	+ Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. + Viết gọn được một tích có nhiều thừa số giống nhau dưới dạng một lũy thừa.	

			+ Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. + Tính được tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa. + Vận dụng được phép tính lũy thừa của số hữu tỉ trong tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. Sử dụng máy tính bỏ túi để tính tổng và hiệu.	
4	§4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc dấu ngoặc.	3	+ Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. + Vận dụng thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán.	
5	§5. Biểu diễn thập phân của số hữu tỉ	2	+ Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. + Biểu diễn được một số hữu tỉ $\frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbb{Z}, b > 0$) dưới dạng số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.	
6	Bài tập cuối chương I	2	+ Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. + Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). + Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. + Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ.	
CHƯƠNG II. SỐ THỰC (22 tiết)				
7	§1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	2	+ Nhận biết được số vô tỉ. + Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. + Tính được giá trị căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng bảng bình phương các số nguyên từ 1 đến 10. + Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay	
8	§2. Tập hợp $\mathbb{R}$ các số thực	3	+ Nhận biết được số thực và tập hợp các số thực. + Nhận biết được dạng biểu diễn thập phân của số thực. + Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.	

			+ Nhận biết được số đối của một số thực. + Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. So sánh được hai số thực.	
9	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	+ Ôn tập về các kiến thức đã học trong chương Số hữu tỉ. Số vô tỉ, căn bậc hai số học và tập hợp R các số thực + Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Số hữu tỉ. Số vô tỉ, căn bậc hai số học và tập hợp R các số thực + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
10	Kiểm tra giữa học kỳ 1	2	+ Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Số hữu tỉ, chương Hình học trực quan + Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Số hữu tỉ, chương Hình học trực quan + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Tuần 9 Hình thức: Viết trên giấy
11	§3. Giá trị tuyệt đối của một số thực	2	+ Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. + Tìm được giá trị tuyệt đối của một số thực cho trước.	
12	§4. Làm tròn và ước lượng	2	+ Nhận biết được ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số. + Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. + Thực hiện được ước lượng kết quả của một số phép tính đơn giản.	
13	§5. Tỷ lệ thức	2	+ Nhận biết được tỷ lệ thức và các tính chất của tỷ lệ thức. + Vận dụng được tính chất của tỷ lệ thức trong giải toán	
14	§6. Dây tỉ số bằng nhau	3	+ Nhận biết được dây tỉ số bằng nhau, tính chất của dây tỉ số bằng nhau. + Vận dụng được các tính chất của dây tỉ số bằng nhau trong giải toán	
15	§7. Đại lượng tỉ lệ thuận	3	+ Nhận biết được hai đại lượng tỉ lệ thuận. + Nhận được được công thức biểu diễn mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận. + Nhận biết được các tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận. + Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận.	
16	§8. Đại lượng tỉ lệ nghịch	3	+ Nhận biết được hai đại lượng tỉ lệ nghịch. + Nhận được được công thức biểu diễn mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch. + Nhận biết được các tính chất của đại lượng tỉ lệ nghịch. + Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch.	
17	Bài tập cuối chương II. Số thực	2	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong chương.	
18	HDTH&TN: Chủ đề 1. Một số hình thức khuyến mãi trong kinh	3	+ Nhận biết được một số hình thức khuyến mãi trong kinh doanh. + Nhận biết được một số hình thức giảm giá phổ biến.	

	doanh		+ Thực hiện được tính doanh thu, lãi sau khi giảm giá. + Thực hiện được các yêu cầu của dự án.	
19	Ôn tập cuối học kì 1	1	+ Hệ thống và ôn tập các kiến thức đã học trong học kì 1 kiến thức về số hữu tỉ, số vô tỉ, các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ, số vô tỉ; tỉ lệ thức, tính chất của tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau + Thực hiện phép tính trên tập hợp số thực. Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau giải bài toán thực tiễn.	
20	Kiểm tra cuối học kỳ 1	2	+ Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I + Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Tuần 18 Hình thức: Viết trên giấy
CHƯƠNG III. HÌNH HỌC TRỰC QUAN (5 tiết)				
21	§1. Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương	2	+ Nhận biết được hình hộp chữ nhật: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 4 đường chéo, các mặt bên đều là hình chữ nhật, các cạnh bên bằng nhau. + Nhận biết được hình lập phương: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 4 đường chéo, các mặt bên đều là hình vuông, các cạnh đều bằng nhau. + Tính được diện tích xung quang, thể tích của hình hộp chữ nhật khi biết độ dài ba kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều cao) của hình đó. + Tính được diện tích xung quang, thể tích của hình hộp lập phương khi biết độ dài cạnh hình đó.	
22	§2. Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác	2	+ Nhận biết được hình lăng trụ đứng tam giác: có 5 mặt, 9 cạnh, 6 đỉnh, 2 mặt đáy cùng là tam giác và song song với nhau, mỗi mặt bên là hình chữ nhật; các cạnh bên bằng nhau chiều cao hình lăng trụ đứng tam giác là độ dài cạnh bên. + Nhận biết được hình lăng trụ đứng tứ giác: có 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh, 2 mặt đáy cùng là tứ giác và song song với nhau, mỗi mặt bên là hình chữ nhật; các cạnh bên bằng nhau chiều cao hình lăng trụ đứng tứ giác là độ dài cạnh bên. + Tính được thể tích hình lăng trụ đứng tam giác khi biết được độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó. Tính được diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác khi biết được độ dài cạnh bên và chu vi đáy của hình đó. + Tính được thể tích hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết được độ dài cạnh bên và diện tích đáy của hình đó. Tính được diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tứ giác khi biết được độ dài cạnh bên và chu vi đáy của hình đó.	
23	Bài tập cuối chương III - Hình học	1	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong chương.	

	trực quan.			
24	HDTH&TN: Chủ đề 2. Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	2	+ Nhận biết được một số hình ảnh lăng trụ đứng trong thực tiễn cuộc sống. + Nêu được một số hình ảnh về những đồ vật được thiết kế, chế tạo ở dạng hình lăng trụ đứng. + Thực hành tạo đồ vật có dạng hình lăng trụ đứng.	
	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	+ Hệ thống và ôn tập các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì 1: về hình hộp chữ nhật. Hình lập phương; Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.	
CHƯƠNG IV. GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (10 tiết)				
25	§1. Góc ở vị trí đặc biệt	2	+ Nhận biết được hai tia nằm về hai phía của một đường thẳng, tia nằm trong góc, nhận biết được hai góc kề nhau, hai góc bù nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh và những tính chất (đề cập trong bài). + Bước đầu nhận biết được một số vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc kề nhau, hai góc kề bù hay hai góc đối đỉnh	
26	§2. Tia phân giác của một góc	1	+ Nhận biết được tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt). + Biết vẽ tia phân giác của một góc (không phải là góc bẹt) bằng thước thẳng và compa (hoặc dụng thước hai lề).	
27	§3. Hai đường thẳng song song	3	+ Nhận biết được hai góc đồng vị, hai góc so le trong (trong số các góc tạo thành khi một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác). + Nhận biết được hai đường thẳng song song với nhau (dựa vào dấu hiệu nhận biết) + Biết vẽ hai đường thẳng song song với nhau dựa và hai góc đồng vị bằng nhau (hoặc hai góc so le trong bằng nhau). + Nhận biết được tiên đề Euclid về hai đường thẳng song song. + Nhận biết được các tính chất về một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song. + Bước đầu nhận biết được một số vật thể trong thực tiễn có dạng hai góc đồng vị, hai góc so le trong, hai đường thẳng song song.	
28	§4. Định lí	2	+ Nhận biết được định lý trong toán học. + Nhận biết được cách ghi giả thiết và kết luận của một định lý. + Nhận biết được cách chứng minh một định lý (là tiến trình lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận là đúng).	
29	Bài tập cuối chương IV	2	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong chương.	

CHƯƠNG V. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT (16 tiết)

30	§1. Thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu	3	+ Thực hiện và lý giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn : văn bản , bảng biểu , kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn . + Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu . + Chứng tỏ được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản	
31	§2. Phân tích và xử lý dữ liệu	2	+ Thực hiện và lý giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn : văn bản , bảng biểu , kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn . + Giải thích được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ như tính hợp lý , tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn , tính hợp lý của các quảng cáo , ...) + Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác.	
32	§3. Biểu đồ đoạn thẳng	3	+ Thực hiện và lý giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn : văn bản , bảng biểu , kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn . + Giải thích được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ như tính hợp lý , tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn , tính hợp lý của các quảng cáo , ...) + Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê : biểu đồ đoạn thẳng. + Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu . + Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ đoạn thẳng. + Biết phân tích và xử lý dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng + Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác.	
33	§4. Biểu đồ hình quạt tròn	3	+ Thực hiện và lý giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn : văn bản , bảng biểu , kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn . + Giải thích được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ như tính hợp lý , tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn , tính hợp lý của	

			các quảng cáo , ...) + Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê : biểu đồ hình quạt tròn . + Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng , biểu đồ thích hợp ở dạng biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) + Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu .	
34	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	– Ôn tập các kiến thức đã học trong chương Thống kê – xác suất, biểu thức đại số – Rèn kĩ năng cơ bản trong chương Thống kê – xác suất, Biểu thức đại số và – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
35	Kiểm tra giữa học kỳ 2	2	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Thống kê – xác suất, Biểu thức đại số và tam giác – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Thống kê – xác suất, Biểu thức đại số và tam giác – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Tuần 26 Hình thức: Viết trên giấy
36	§5. Biến cố trong một số trò chơi đơn giản	2	+ Xác định được một biến cố xảy ra hay không xảy ra sau khi biết kết quả của phép thử. + Xác định được biến cố chắc chắn, biến cố không thể và biến cố ngẫu nhiên	
37	§6. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản	2	+ So sánh được xác suất của các biến cố trong một số trường hợp đơn giản. + Tính được xác suất của một số biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản	
38	Bài tập cuối chương V	1	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học phần xác suất + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
39	HDTH&TN: Chủ đề 3. Dung tích phổi	3	+ Nhận biết được chức năng phổi, dung tích phổi. + Nhận biết được công thức tính dung tích phổi toàn chuẩn. + Thực hành tính được dung tích phổi chuẩn. + Thực hiện được các yêu cầu của hoạt động thực hành đo dung tích phổi.	
CHƯƠNG VI. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ (15 tiết)				
40	§1. Biểu thức số. Biểu thức đại số	3	+ Nhận biết được biểu thức số và biểu thức đại số. + Viết được biểu thức đại số biểu diễn các đại lượng quen thuộc trong hình học hay trong đời sống. + Tính được giá trị của một biểu thức đại số	
41	§2. Đa thức một biến. Nghiệm của	3	+ Nhận biết được định nghĩa đơn thức 1 biến, đa thức 1 biến.	

	đa thức một biến		+ Nhận biết được cách biểu diễn đa thức 1 biến, xác định được bậc của đa thức 1 biến. + Thực hiện được cộng, trừ đơn thức có cùng số mũ của biến, sắp xếp đa thức 1 biến. + Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. + Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức 1 biến.	
42	§3. Phép cộng, phép trừ đa thức một biến	3	+ Thực hiện được phép cộng và phép trừ hai đa thức một biến. + Vận dụng được những tính chất của phép cộng đa thức một biến trong tính toán	
43	§4. Phép nhân đa thức một biến	2	+ Thực hiện được phép nhân đơn thức với đơn thức, nhân đơn thức với đa thức và nhân các đa thức 1 biến. + Vận dụng được những tính chất của phép nhân đa thức một biến trong tính toán	
44	§5. Phép chia đa thức một biến	2	+ Thực hiện được phép chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức và chia đa thức cho đa thức. + Vận dụng được phép chia đơn thức, đa thức trong tính toán và giải quyết các bài tập liên quan đến thực tế.	
45	Bài tập cuối chương VI	2	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong chương.	
46	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức về thống kê và xác suất, biểu thức đại số. + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
47	Kiểm tra giữa học kỳ 2	2	+ Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kỳ II + Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong học kỳ II + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Tuần 35 Hình thức: Viết trên giấy
CHƯƠNG VII. TAM GIÁC (30 tiết)				
48	§1. Tổng các góc của một tam giác	2	+ Giải thích được định lý về tổng các góc của một tam giác + Giải thích được định lý về tổng hai góc nhọn trong một tam giác vuông	
49	§2. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện. Bất đẳng thức tam giác	2	+ Nhận biết được liên hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác: Đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn, đối diện với cạnh lớn hơn là góc lớn hơn. + Nhận biết được liên hệ về độ dài ba cạnh trong một tam giác.	
50	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	+ Hệ thống và ôn tập các kiến thức đã học trong học kỳ 1: về học trực quan: hình hộp chữ nhật, hình lập phương; hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. Hai đường thẳng song song. Tổng các góc của một tam giác. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện. Bất đẳng	

			thức tam giác. + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
51	§3. Hai tam giác bằng nhau	1	+ Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. + Xác định được các yếu tố tương ứng của hai tam giác bằng nhau	
52	§4. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác: cạnh - cạnh - cạnh	3	+ Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c.c.c. + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.	
53	§5. Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác: cạnh - góc - cạnh	3	+ Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c.g.c. + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.	
54	§6. Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác: góc - cạnh - góc	3	+ Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp g.c.g. + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.	
55	§7. Tam giác cân	2	+ Mô tả được tam giác cân + Giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau , góc ở đáy bằng nhau). + Vẽ được tam giác cân bằng thước và compa	
56	§8. Đường vuông góc và đường xiên	2	+ Nhận biết được khái niệm đường vuông góc và đường xiên. + Nhận biết được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. + Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại)	
57	§9. Đường trung trực của một đoạn thẳng	2	+ Nhận biết được đường trung trực và tính chất cơ bản của đường trung trực của một đoạn thẳng. + Vẽ được đường trung trực của đoạn thẳng bằng thước và compa.	
58	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức về các trường hợp bằng nhau của tam giác. Đường trung trực của một đoạn thẳng. + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
59	§10. Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác	2	+ Nhận biết được các đường trung tuyến của tam giác. + Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung tuyến tại trọng tâm của tam giác	
60	§11. Tính chất ba đường phân giác của tam giác	2	+ Nhận biết được các đường phân giác của tam giác. + Nhận biết được sự đồng quy của ba đường phân giác của tam giác	
61	§12. Tính chất ba đường trung trực	2	+ Nhận biết được các đường trung trực trong tam giác.	

	của tam giác		+ Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung trực của tam giác	
62	§13. Tính chất ba đường cao của tam giác	2	+ Nhận biết được các đường cao của tam giác. + Nhận biết được sự đồng quy của ba đường cao tại trực tâm của tam giác	
63	Bài tập cuối chương VII	2	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong chương tam giác: Các trường hợp bằng nhau của tam giác. Các đường đồng quy trong tam giác. + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
64	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức về tam giác, các trường hợp bằng nhau của tam giác, tính chất đường trung tuyến, phân giác, trung trực, đường cao của tam giác. + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	

III. Các nội dung khác (nếu có):

1. Sinh hoạt định kỳ: 1 tuần/ tháng

2. Sinh hoạt chuyên môn:

- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 1 lần/ học kỳ

- Sinh hoạt chuyên đề: 2 lần/ học kỳ

3. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo HS yếu kém